TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 /11/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Đặng Thị Tiềm;

2/- Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa*: bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.*

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: *bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Cao Văn Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh Cao Văn Đ cưới nhau vào năm 2001 có. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mẫu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng cải vả lời qua tiếng lại làm cho tình cảm lạnh nhạt không hàn gắn được. Chị và anh Đ đã ly thân nhau từ tháng 12/2020 đến nay không hàn gắn được.

Chị Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Cao Văn Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung tên Cao Văn Đ1 sinh ngày 06/11/2002.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Cao Văn Đ không có văn bản thê hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn, anh Cao Văn Đ vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ, con chung: đã trưởng thành nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mộng T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T .

Anh Cao Văn Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Cao Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông vào năm 2001 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Mộng T xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Cao Văn Đ mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm năm 2020 đến nay do anh Đ không quan tâm gia đình, thường xuyên chửi mắng chị làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Anh Cao Văn Đ không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Đ không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị T, lời trình bày của chị T nêu trong đơn về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có thật.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Cao Văn Đ là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Giữa chị T và anh Đ có 01 con chung đã trưởng thành, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nhưng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ xác định con chung không có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung:

Chị T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Cao Văn Đ.

2. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06972 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống Đ hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT